TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25/02/2020
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Trương Thị Bích Tuyền

2. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 25/02/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 392/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HN ngày 12 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đoàn Thị Thu T, sinh năm 1986; địa chỉ: tổ 28, ấp T, xã L, huyện Tr, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Ông Đoàn Minh P, sinh năm 1984, địa chỉ: Số 879, tổ 2, ấp C, xã V, thành phố C, tỉnh An Giang.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2019 và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đoàn Thị Thu T trình bày:

Bà và ông P tự nguyện tìm hiểu nhau năm 2011 có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tế theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 59 ngày 11/11/2011. Qúa trình chung sống, ông P không lo làm ăn, nhiều lần bà khuyên ngăn nhưng không được nên bà về nhà mẹ ruột ở xã L,

huyện T sinh sống và cả hai không chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông P sinh được 02 con chung tên Đoàn Tuấn A, sinh ngày 31/10/2012 và Đoàn Tuấn C, sinh 02/7/2015. Bà yêu cầu được dạy con chung, không yêu càu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đoàn Minh P trình bày: Thống nhất với bà T về điều kiện và thời gian dẫn đến hôn nhân. Ông và bà T có đăng ký kết hôn như bà T trình bày.

Về hôn nhân ông và bà T đôi lúc có mâu thuẫn, nhưng không nghiêm trọng, chủ yếu là do ông chỉ có nghề thợ sơn gỗ, không phụ giúp làm rẫy với gia đình bên vợ được. Hiện nay ông đã đi làm tại Công ty may Trang Mỹ Tân – chi nhánh Phú Lộc, Đồng Tháp, thu nhập ổn định, mỗi tháng 5.000.000 đồng đủ nuôi sống gia đình. Mặc dù bà T về bên cha mẹ ruột ở từ năm 2018 đến nay, nhưng ông P vẫn gửi tiền về lo cho vợ con. Vì vậy nên ông P muốn hàn gắn tình cảm với bà T, không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: Thống nhất với trình bày của bà T là vợ chồng có 02 con chung Đoàn Tuấn A, sinh ngày 31/10/2012 và Đoàn Tuấn C, sinh 02/7/2015 hiện do bà T nuôi dạy. Ông P yêu cầu được hàn gắn nên không đề cập về nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án có tiến hành xác minh tại nơi cư trú của ông P và Bà T như sau:

Trước đây vợ chồng Ông P, bà T sống ở ấp Cây Châm, xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc (nhà cha, mẹ chồng) nhưng hiện nay bà T về mẹ ruột sống ở huyện Tri Tôn, ít về địa phương (Vĩnh Tế). Về kinh tế thì không xác định được thu nhập riêng của ông P cũng như bà T. Bà T và ông P cải nhau từ năm 2018 bà T bỏ đi làm Công ty và ly thân với ông P cho đến nay. Bà T về nhà mẹ ruột sinh sống, ông P không tới lui thăm hỏi và cũng không sống chung.

Hiện nay, Bà T đang nuôi dạy hai con chung với công việc chủ yếu là nhận đồ về may gia công và làm rẫy

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T, ông P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã Vĩnh Tế nên được pháp luật công nhận, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung T, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình thế nhưng bà T và ông P đã ly thân từ năm 2018 đến nay.

Qua phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, bà T cương quyết ly hôn, không còn tình cảm với ông P, cho thấy hôn nhân giữa bà T và ông P thuộc tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Bà T xác định trong thời kỳ hôn nhân với ông P có 02 con chung Đoàn Tuấn A, sinh ngày 31/10/2012 và Đoàn Tuấn C, sinh 02/7/2015 hiện do bà T chăm sóc, nuôi dạy. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và nguyện vọng của cháu A được sống chung với bà T (nguyên đơn), đề nghị tiếp tục giao con cho bà T nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nên không đề cập xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T, giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dạy, ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đồng thời, bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 59 ngày 11/11/2011 nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng ông P không quan tâm, chăm sóc giúp đỡ bà T; không cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình thậm chí không chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân của bà T và ông P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông P là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Về con chung, bà T xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Đoàn Tuấn A, sinh ngày 31/10/2012 và Đoàn Tuấn C, sinh 02/7/2015, hiện nay con chung do bà T chăm sóc, nuôi dạy. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, hai cháu đang đi học ổn định ở Trường mẫu giáo và Trường tiểu học Lê Trì; phù hợp với nguyện vọng của cháu Đoàn Tuấn A muốn sống với mẹ. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, xét giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dạy và chăm sóc. Bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét trong vụ án.

Bà T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp. Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Thu T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Thu T được ly hôn ông Đoàn Minh P.

[2] Về con chung: Bà Đoàn Thị Thu T được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Đoàn Tuấn A, sinh ngày 31/10/2012 và Đoàn Tuấn C, sinh 02/7/2015 cho

đến khi thành niên và có khả năng lao động. Ông Đoàn Minh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Đoàn Thị Thu T phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai số 0003449 ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; bà T đã nộp đủ án phí.

Ông Đoàn Minh P không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Giấy chứng nhận kết hôn số 59, ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc không còn giá trị pháp lý.

[5] Trong hạn 15 ngày kể từ nhận tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử P thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

Trịnh Thị Ngọc Hà